

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 23/2020/HNGĐ-ST

Ngày 15 tháng 5 năm 2020

V/v “Ly hôn”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Thành Hiếu

*Các Hội thẩm nhân dân:* Bà Huỳnh Thị Thanh Liên.

Bà Nguyễn Ngọc Sương.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Khuất Cao Hoàng - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu tham gia phiên tòa:** Bà Bùi Thị Doan - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 5 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 52/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 6 năm 2019 về việc “*Yêu cầu ly hôn*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 15/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 4 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 23/2020/QĐST-HNGĐ ngày 17 tháng 4 năm 2020, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Phạm Minh N, sinh năm 1988. Địa chỉ: xã B, huyện C, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu (vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt).

Bị đơn: Bà Nguyen, Tiffany T, sinh năm 1994. Quốc tịch: Hoa Kỳ. Địa chỉ: Nadine Cir Garden Grove, CA 92840, USA (vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**- Theo đơn khởi kiện và bản tự khai, nguyên đơn ông Phạm Minh N trình bày:**

Ông và bà Nguyen, Tiffany T có gặp và quen biết nhau thông qua sự giới thiệu của một người bạn của ông từ khoảng tháng 01 năm 2015. Cả hai người đã trải qua một thời gian tìm hiểu, nảy sinh tình cảm và quyết định đi đến hôn nhân. Ông N và bà Nguyen, Tiffany T có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu vào ngày 11-3-2016. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống với nhau được 01 tháng tại nhà ông N thì bà Nguyen,

Tiffany T phải quay về Hoa Kỳ để tiếp tục làm việc và sinh sống. Năm 2017, bà Nguyen, Tiffany T làm thủ tục bảo lãnh ông N sang Hoa Kỳ để định cư, đoàn tụ vợ chồng, tuy nhiên hồ sơ bảo lãnh bị thiếu nên bà Nguyen, Tiffany T đã ngưng việc bảo lãnh ông N sang Hoa Kỳ lại. Từ đó, vợ chồng thường xuyên cãi nhau và xảy ra nhiều mâu thuẫn, ngoài ra, vợ chồng có cản trở về khoảng cách địa lý nên không thể quan tâm chăm sóc, chia sẻ những khó khăn cùng nhau. Mâu thuẫn vợ chồng càng trở nên trầm trọng, cả hai người không còn tìm được tiếng nói chung và trở nên ít liên lạc với nhau, tình cảm vợ chồng dần trở nên phai nhạt. Nay ông N cảm thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên ông yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà Nguyen, Tiffany T.

Về con chung: Ông N xác nhận không có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản chung và nợ chung: Ông N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Ngày 02-8-2019, Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu đã làm thủ tục ủy thác tư pháp cho Cơ quan có thẩm quyền của Hoa Kỳ để tổng đạt cho bà Nguyen, Tiffany T bản sao đơn khởi kiện của ông N, Giấy chứng nhận kết hôn và Thông báo thụ lý vụ án của Tòa án, trong đó có ghi rõ thời gian, địa điểm Tòa án mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, thời gian mở phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án này để bà Nguyen, Tiffany T biết và thực hiện quyền được tham dự, quyền trình bày ý kiến, yêu cầu và cung cấp chứng cứ để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho mình. Tuy nhiên, đến nay Tòa án không nhận được kết quả ủy thác tư pháp. Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu cũng đã có công văn đề nghị Bộ Tư pháp trả lời về kết quả thực hiện việc ủy thác tư pháp tổng đạt văn bản tố tụng nêu trên nhưng đến nay chưa nhận được văn bản trả lời của Bộ Tư pháp.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:*

+ Về tố tụng: Trong quá trình thụ lý và giải quyết vụ án, Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa, các Hội thẩm nhân dân, Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng và đầy đủ các trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Đối với các đương sự, nguyên đơn đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, riêng bị đơn chưa chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án.

+ Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, tuyên xử cho ông N và bà Nguyen, Tiffany T ly hôn. Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Không có yêu cầu nên không giải quyết.

## **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

### **[1] Về tố tụng:**

Đây là vụ án tranh chấp về ly hôn, nguyên đơn có nơi cư trú tại tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu, bị đơn là người có quốc tịch Hoa Kỳ, hiện đang cư trú tại Hoa Kỳ. Do vậy, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 37, khoản 1 Điều 40 và khoản 1 Điều 469 Bộ luật tố tụng dân sự.

Nguyên đơn có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, căn cứ Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Bộ luật tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt nguyên đơn.

Tòa án đã tiến hành ủy thác tư pháp cho Cơ quan có thẩm quyền của Hoa Kỳ để tổng đạt cho bà Nguyen, Tiffany T thông báo thụ lý vụ án (có ấn định thời gian, địa điểm mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, thời gian mở phiên tòa xét xử sơ thẩm), nhưng đến nay không nhận được kết quả ủy thác tư pháp cũng như văn bản trả lời của Bộ Tư pháp, nên Hội đồng xét xử căn cứ điểm c khoản 5 Điều 477 Bộ luật tố tụng dân sự, xử vắng mặt bị đơn.

### **[2] Về nội dung:**

[2.1] Về hôn nhân: Ông Phạm Minh N và bà Nguyen, Tiffany T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu nên là hôn nhân hợp pháp. Ông N xác nhận, ông và bà Nguyen, Tiffany T có thời gian chung sống với nhau rất ngắn. Bà Nguyen, Tiffany T phải quay về Hoa Kỳ để tiếp tục làm việc và sinh sống, vợ chồng bị vướng mắc về hồ sơ bảo lãnh ông N sang Hoa Kỳ định cư để đoàn tụ vợ chồng nên hai bên thường xuyên phát sinh mâu thuẫn. Ngoài ra, vợ chồng có trở ngại khoảng cách về địa lý nên không gặp nhau được, do đó, hai người không thể quan tâm, chăm sóc cho nhau. Mâu thuẫn vợ chồng càng trở nên trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, ông N không còn liên lạc với bà Nguyen, Tiffany T. Mặc dù Tòa án đã làm thủ tục ủy thác tư pháp tổng đạt các văn bản tố tụng liên quan đến yêu cầu khởi kiện của ông N cho bà Nguyen, Tiffany T nhưng không có kết quả. Do vậy, Hội đồng xét xử có căn cứ để chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông Phạm Minh N với bà Nguyen, Tiffany T.

[2.2] Về con chung: Ông N xác nhận không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản chung và nợ chung: Ông N không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Ông N phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định pháp luật.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ Điều 28, Điều 37, Điều 469, Điều 476, khoản 4, khoản 5 Điều 477, Điều 479 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 39 Bộ luật dân sự; Điều 56, Điều 123, Điều 127 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

*Tuyên xử:*

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Minh N.

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Phạm Minh N được ly hôn với bà Nguyen, Tiffany T.

- Về con chung: Ông Phạm Minh N xác nhận không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản chung và nợ chung: Ông Phạm Minh N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Ông Phạm Minh N phải nộp 300.000 (ba trăm ngàn) đồng, được trừ vào số tiền 300.000 (ba trăm ngàn) đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0007241 ngày 14 tháng 6 năm 2019 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu. Ông Phạm Minh N đã nộp đủ.

3. Quyền kháng cáo: Ông Phạm Minh N được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết hợp lệ theo quy định pháp luật; bà Nguyen, Tiffany T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 12 tháng kể từ ngày tuyên án, để yêu cầu Tòa án nhân dân cấp cao tại TP HCM xét xử phúc thẩm.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

**Nơi nhận:**

- VKSND tỉnh BR-VT;
- Cục THADS tỉnh BR-VT;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, Tòa DS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thành Hiếu**